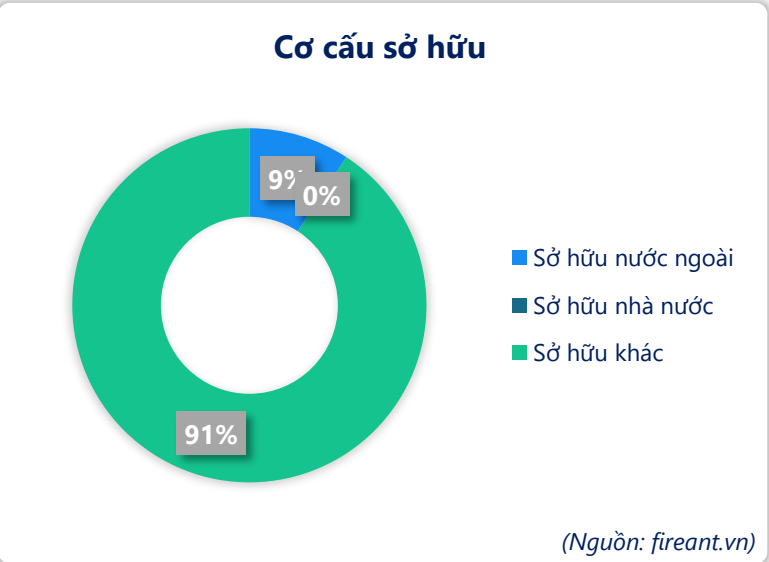
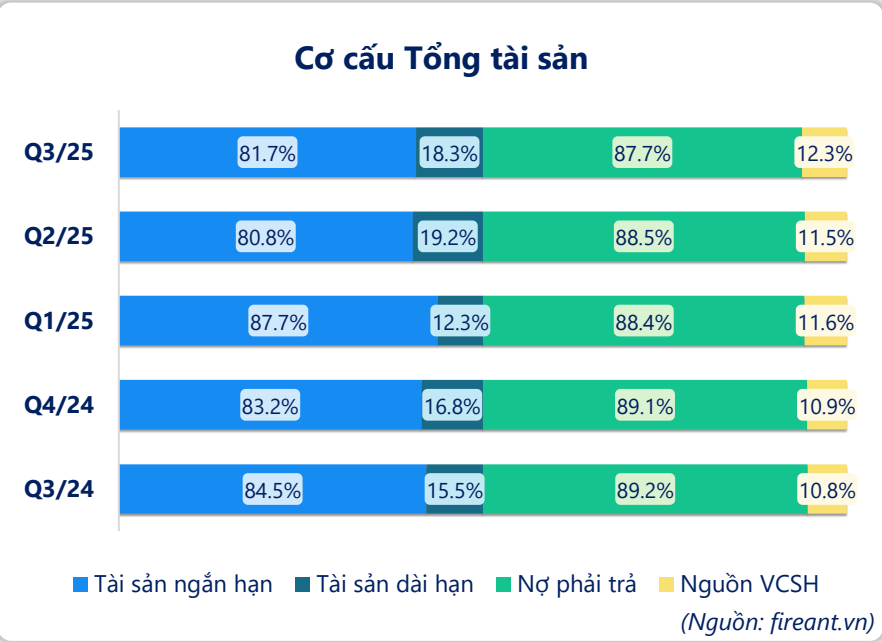
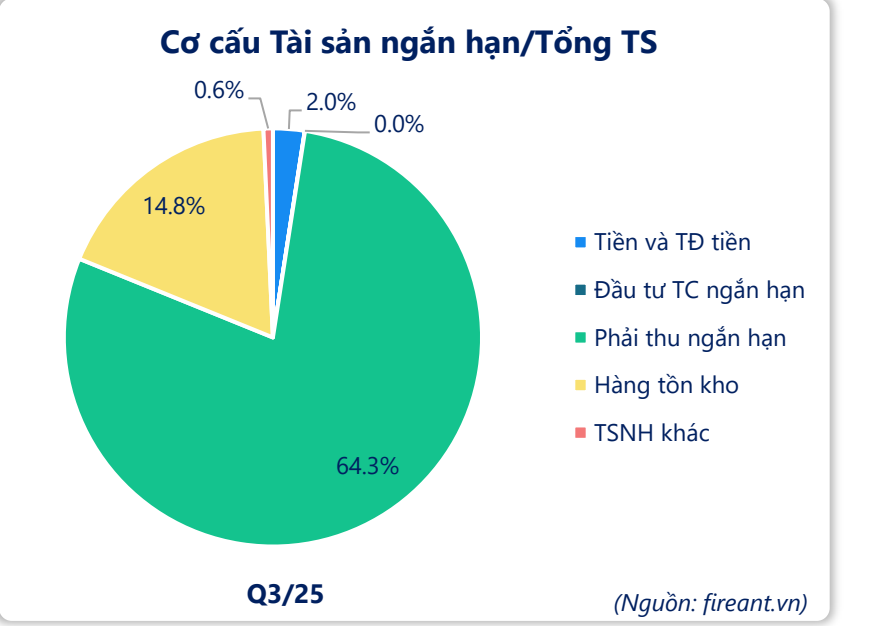
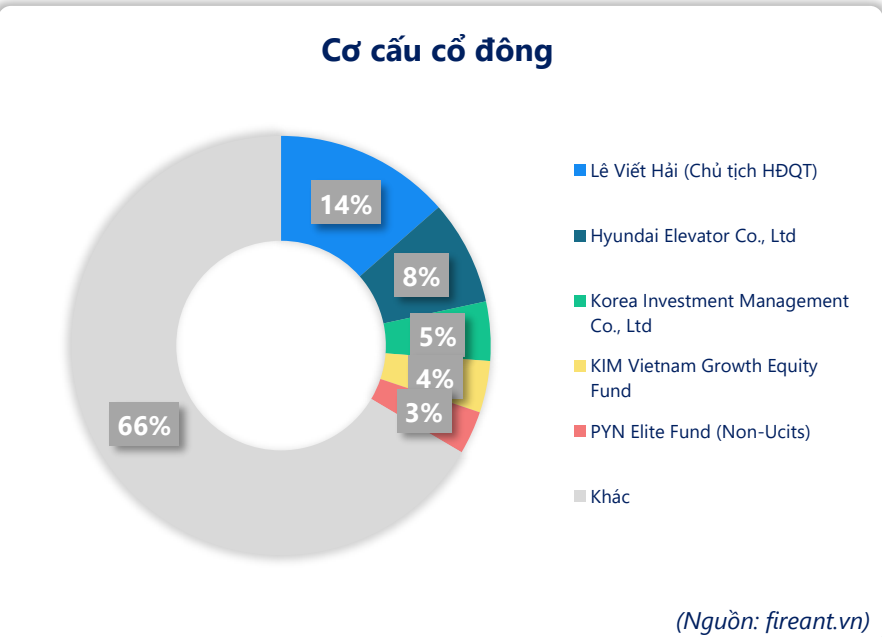
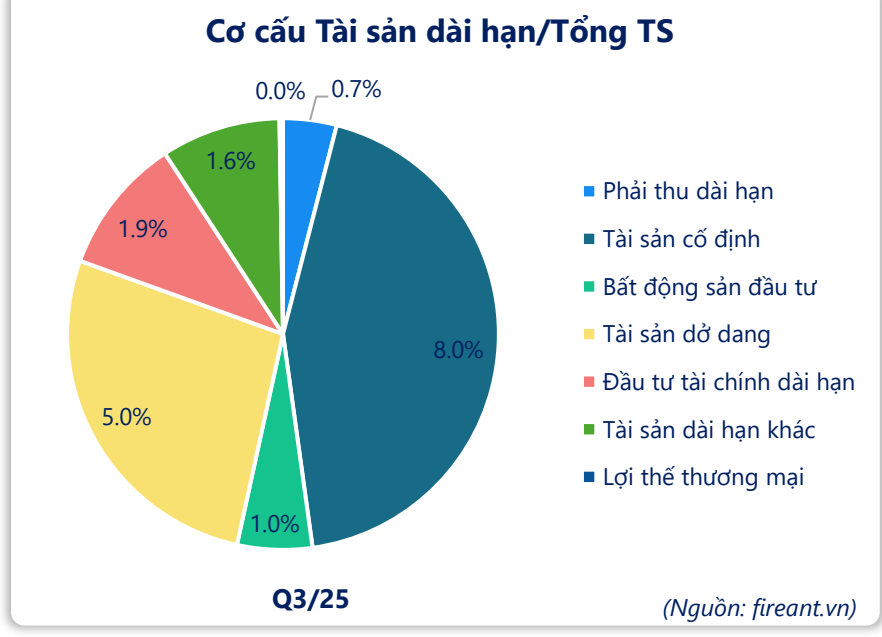
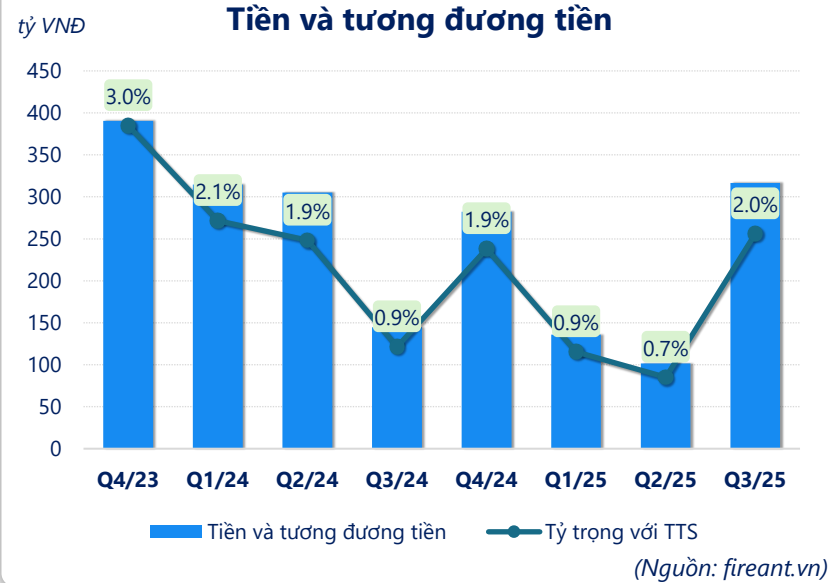
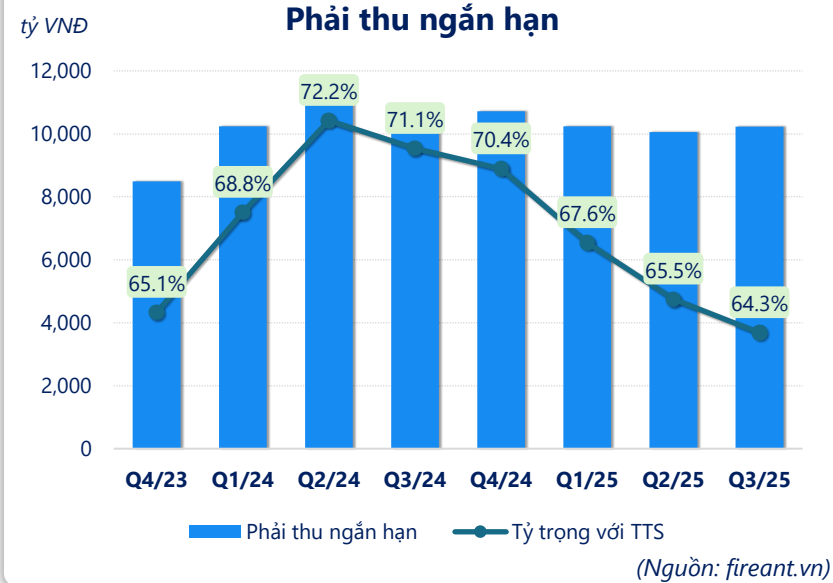
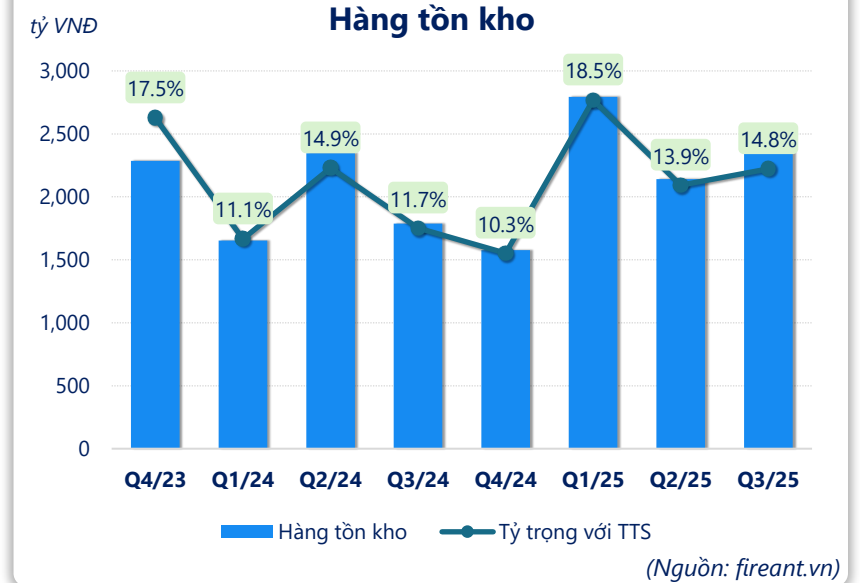
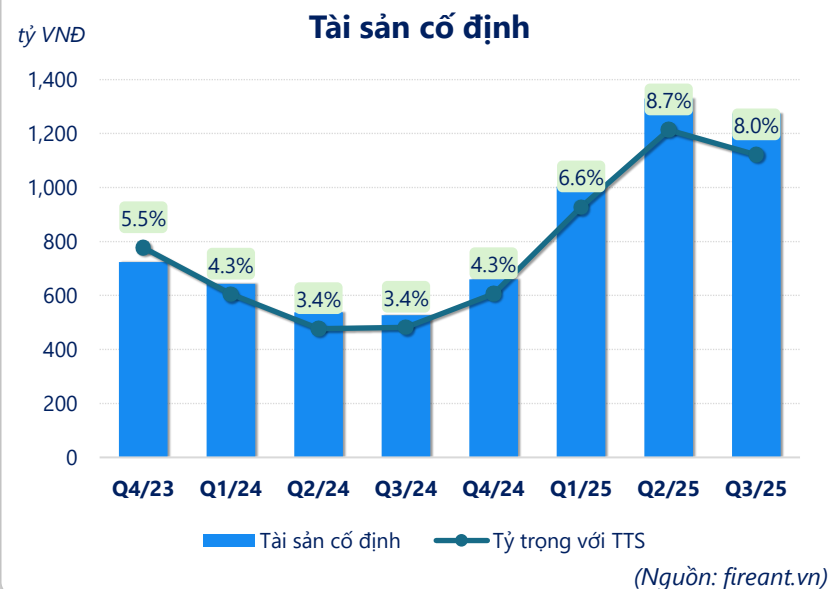
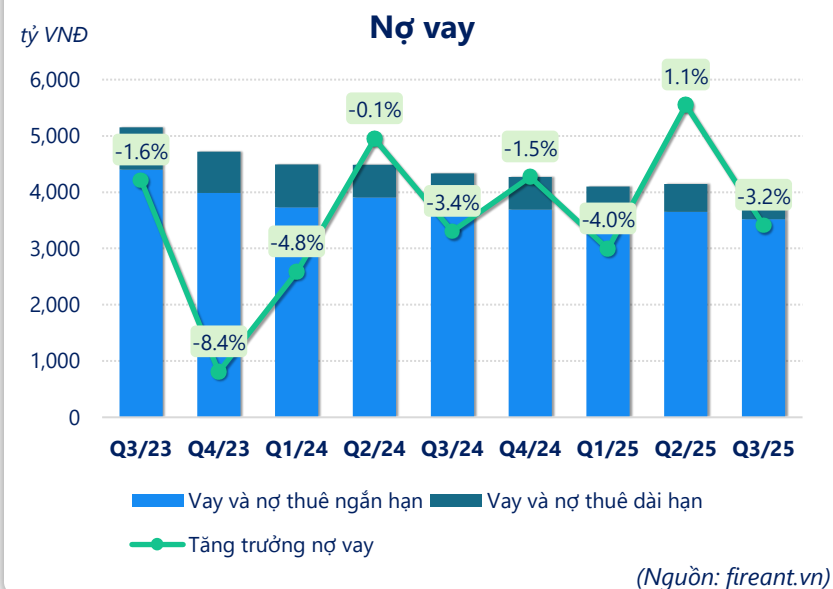
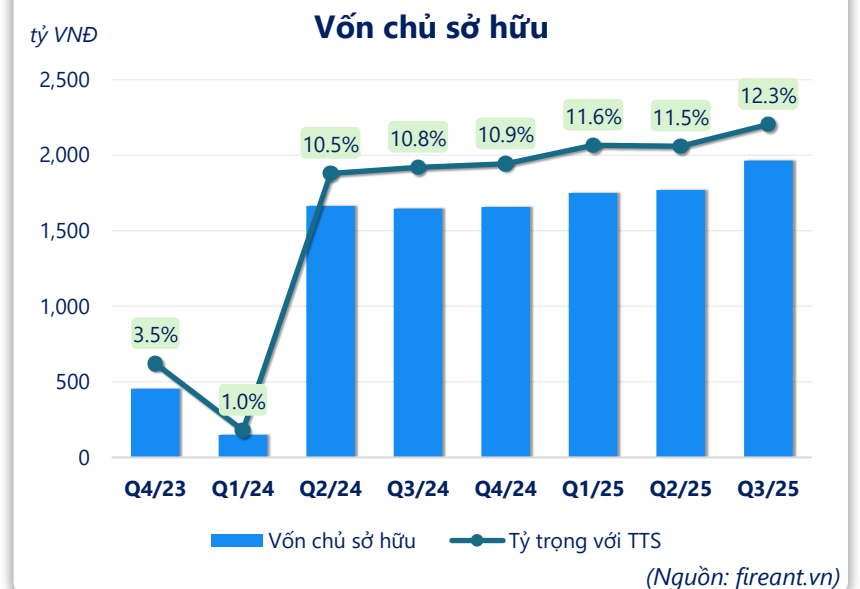
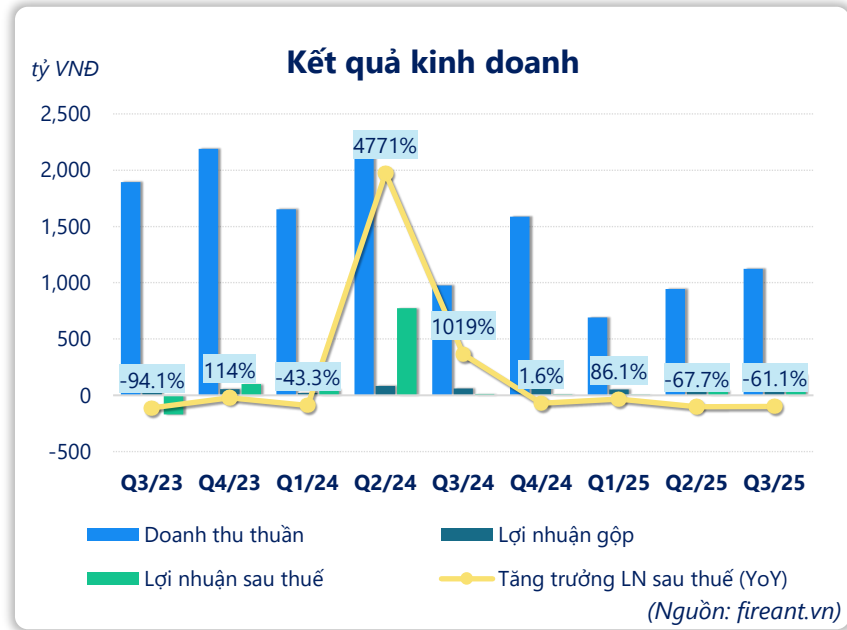
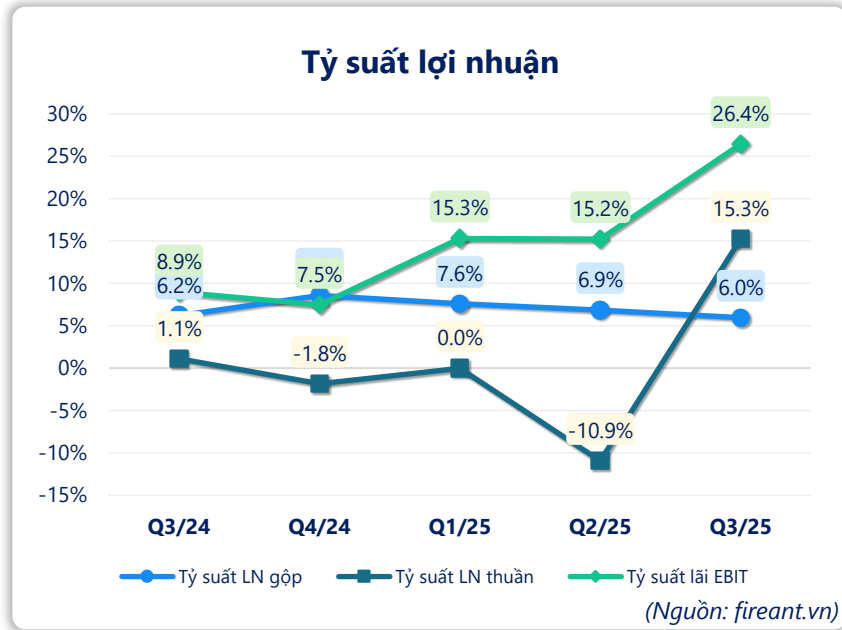
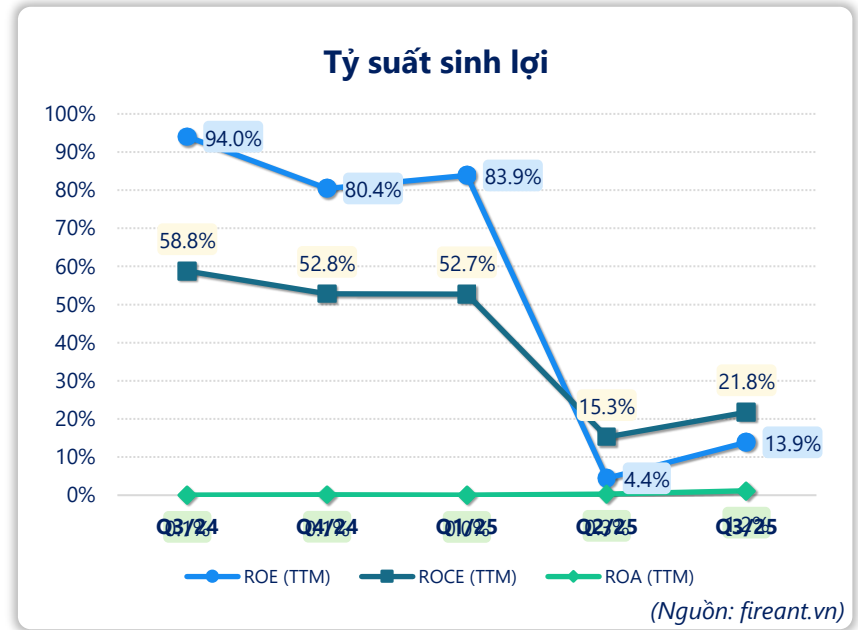
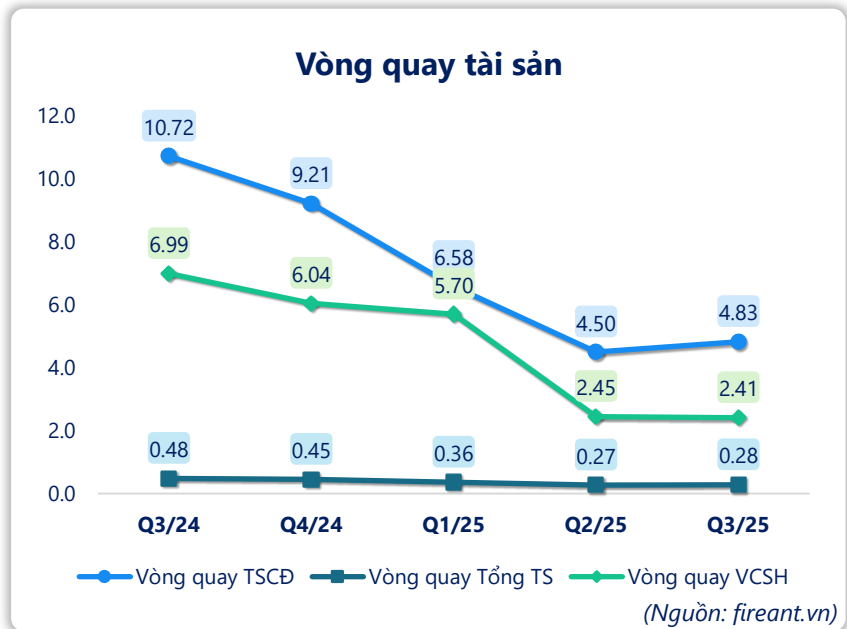
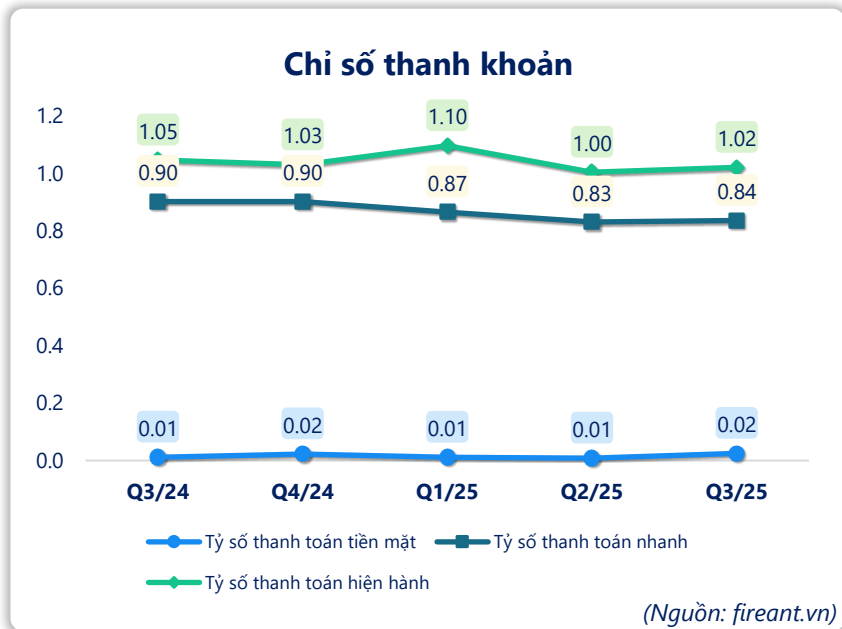
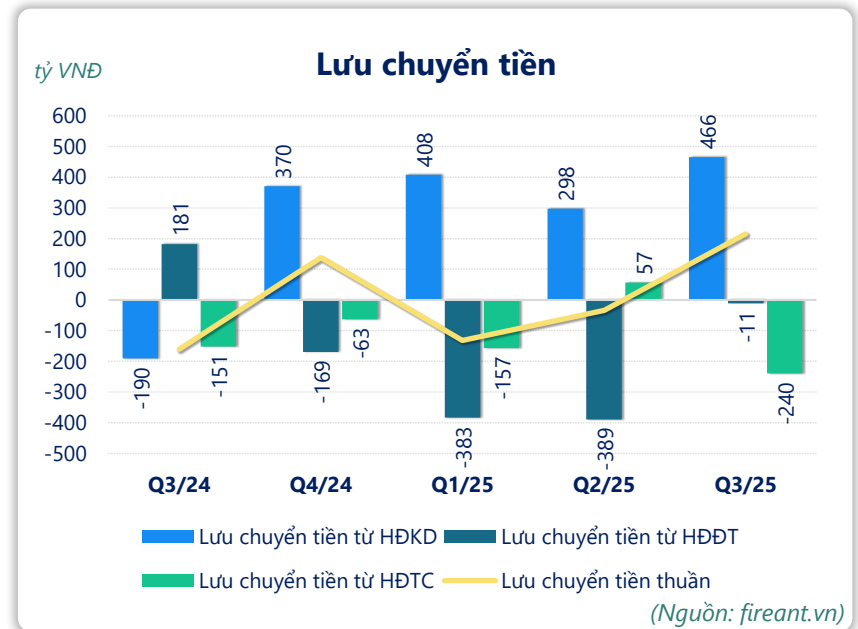


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,900
SL cổ phiếu LH		347,213,270
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,570,685
% sở hữu nước ngoài		9.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,569
P/E		10.3
EPS		721

	YTD	1T	3T	6T
HBC	13.8%	-8.6%	12.1%	8.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	15,908	15,412	3.2%
Tài sản ngắn hạn	12,999	13,735	-5.4%
Tiền và tương đương tiền	317	268	18.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.67	14.1	-81.1%
Phải thu ngắn hạn	10,228	11,012	-7.1%
Hàng tồn kho	2,357	2,357	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	94.2	83.0	13.5%
Tài sản dài hạn	2,909	1,677	73.5%
Phải thu dài hạn	117	256	-54.4%
Tài sản cố định	1,274	660	93.0%
Bất động sản đầu tư	163	164	-0.3%
Tài sản dở dang	788	48.2	1536%
Đầu tư tài chính dài hạn	299	305	-2.0%
Tài sản dài hạn khác	261	232	12.5%
Lợi thế thương mại	7.61	12.3	-37.9%
Nợ phải trả	13,945	13,664	2.1%
Nợ ngắn hạn	12,739	12,411	2.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,521	3,818	-7.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	4,426	4,171	6.1%
Nợ dài hạn	1,206	1,253	-3.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	490	532	-7.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,963	1,748	12.3%
Vốn chủ sở hữu	1,963	1,748	12.3%
Vốn điều lệ	3,472	3,472	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	975	1,587	692	944	1,123
Giá vốn hàng bán	914	1,451	639	880	1,056
Lợi nhuận gộp	60.5	136	52.5	64.7	66.8
Doanh thu HĐTC	-22.3	48.5	10.8	46.1	230
Chi phí TC	72.0	106	96.9	94.5	98.0
Chi phí lãi vay	71.0	104	96.4	93.2	94.9
LN trong công ty LKLD	0.23	-8.12	0.98	-0.66	-1.48
Chi phí bán hàng	7.81	15.2	7.28	7.01	10.9
Chi phí QLDN	-52.0	84.3	-39.8	112	14.5
LN thuần từ HĐKD	10.6	-29.2	-0.13	-103	171
Lợi nhuận khác	5.61	43.7	9.67	154	30.5
LN trước thuế	16.2	14.6	9.54	50.7	202
Lợi nhuận sau thuế	12.7	9.45	5.39	46.0	188
LNST của CĐ cty mẹ	7.86	12.2	5.42	50.9	182

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-190	370	408	298	466
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	181	-169	-383	-389	-11.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-151	-63.3	-157	57.0	-240
Tiền đầu kỳ	305	144	268	136	101
Lưu chuyển tiền thuần	-160	138	-132	-34.4	215
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.09	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	144	282	136	101	317

(Nguồn: fireant.vn)